

Thứ hai, ngày 13 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Chưa thể vượt cản

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/1/2020		•	
Tuần 13/1-17/1/2020		•	
Tháng 1/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau hai phiên tăng điểm mạnh vào cuối tuần trước, VN-Index đã xuất hiện nhịp điều chỉnh trong phiên hôm nay. Với độ rộng nghiêng về phía bên bán với 205 mã giảm điểm, chỉ số chịu áp lực chủ yếu từ nhóm các cổ phiếu Ngân hàng với các mã BID, CTG, VPB, TCB, VCB. Thanh khoản xuống rất thấp trong hôm nay phần nào cho thấy dòng tiền vẫn đứng ngoài và có thể sẽ duy trì trạng thái hiện tại cho đến sau kì nghỉ lễ. Trong bối cảnh đây cũng là tuần đáo hạn HĐTL, BSC cho rằng thị trường sẽ tiếp tục có những biến động khó lường dưới ngưỡng kháng cự 970 điểm.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2003, các HĐTL đều giảm trái chiều với chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/1/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán -0.7%. 9/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đối với nhóm ngành dịch vụ tài chính - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**, con số này của VNINDEX là -0.3%

Phân tích kỹ thuật: VHM_ Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.70 điểm**, đóng cửa 965.84. HNX-Index **+0.09 điểm**, đóng cửa 102.30.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.77); MSN (+0.17); VCF (+0.10); VIC (+0.10); SCS (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.38); VNM (-0.75); CTG (-0.37); GAS (-0.33); VPB (-0.31)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **1,907 tỷ đồng**, **-36%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 3.84 điểm. Thị trường có 123 mã tăng, 57 mã tham chiếu và 205 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **70.83 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (23.62 tỷ), VHM (15.73 tỷ) và MSN (11.49 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.12 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

965.84

Giá trị: 1907.49 tỷ

-2.7 (-0.28%)

Khối ngoại (ròng): 70.83 tỷ

HNX-INDEX

102.30

Giá trị: 233.8 tỷ

0.08 (0.08%)

Khối ngoại (ròng): -3.12 tỷ

UPCOM-INDEX

55.64

Giá trị: 157.72 tỷ

0.08 (0.14%)

Khối ngoại (ròng): -3.04 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	59.1	0.02%
Giá vàng	1,551	-0.75%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,757	0.08%
Tỷ giá JPY/VND	21,128	-0.16%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	5.22%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-2.24%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	23.6	NLG	-23.2
E1VFN30	21.9	CTG	-9.2
VHM	15.7	VNM	-5.9
MSN	11.5	BSR	-5.9
VIC	7.9	PVD	-2.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đối với nhóm ngành dịch vụ tài chính - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**, con số này của VNINDEX là -0.3%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **7/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_0.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.7%	1.1%	-2.2%	-6.4%	-15.0%	-6.2%	42.9%	21.3%
BDS & Khu công nghiệp	0.4%	-0.3%	-2.8%	-4.5%	-3.7%	6.7%	55.8%	16.3%
Hàng tiêu dùng	0.1%	0.4%	-2.0%	-10.6%	-4.8%	3.3%	57.0%	17.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	0.8%	-1.5%	-2.8%	-1.5%	8.5%	77.6%	13.8%
FTSE Việt Nam	-0.1%	0.8%	-1.5%	-1.6%	0.4%	9.7%	88.1%	14.8%
Xây dựng	-0.1%	-2.1%	-4.9%	-17.1%	-17.2%	-12.5%	16.8%	18.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	0.8%	-0.5%	-3.4%	5.5%	18.1%	83.9%	15.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.2%	0.9%	0.0%	-2.8%	10.1%	30.8%	120.1%	18.8%
Chiến tranh thương mại	-0.2%	-0.8%	-2.7%	-7.3%	-12.2%	4.6%	10.1%	15.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	0.5%	-0.2%	-4.9%	7.5%	18.2%	74.8%	17.2%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-0.4%	-4.2%	-3.4%	-2.3%	10.2%	5.7%	18.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.4%	-2.1%	-3.9%	-0.1%	-5.5%	14.4%	44.1%	14.4%
VN Diamond	-0.5%	0.6%	0.1%	-5.1%	8.8%	18.5%	70.1%	16.9%
Ngân hàng	-0.5%	3.3%	5.1%	0.3%	12.5%	24.0%	91.3%	22.2%
Nước & Năng lượng	-0.6%	-2.4%	-4.7%	-7.3%	-9.1%	5.1%	41.5%	14.3%
Lãi suất giảm	-0.7%	-1.3%	-2.9%	-9.3%	-9.4%	0.2%	47.1%	18.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.7%	0.9%	-1.5%	-7.3%	-1.8%	6.7%	55.9%	14.4%
VN FinSelect	-0.7%	2.4%	2.3%	-2.7%	4.1%	11.6%	42.8%	18.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.9%	2.7%	2.8%	-2.2%	6.2%	14.5%	51.4%	19.6%
Dầu khí	-1.3%	-5.8%	-3.2%	-8.1%	-14.9%	0.5%	16.6%	22.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 5	0.3%	-0.1%	-1.4%	-4.1%	-2.2%	14.4%	65.1%	17.1%
Danh mục 6	0.2%	0.5%	-3.2%	-9.7%	-1.3%	11.9%	89.4%	21.7%
Danh mục 1	0.1%	1.5%	2.0%	0.7%	9.5%	18.1%	104.8%	15.7%
Danh mục 7	-0.9%	-2.1%	-4.9%	-9.1%	-5.9%	1.9%	37.9%	15.5%
Danh mục 11	-0.9%	1.7%	0.0%	-8.8%	-4.5%	13.5%	78.5%	18.9%
* Note	7/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 22	0.2%	0.2%	-0.6%	-3.9%	4.9%	22.2%	66.6%	16.3%
Danh mục 21	-0.1%	0.4%	-0.5%	-4.2%	5.3%	19.2%	61.7%	15.6%
Danh mục 23	-0.3%	-0.2%	-6.5%	-10.0%	-7.3%	14.0%	84.0%	18.8%
Danh mục 24	-0.7%	-0.4%	-1.2%	-5.4%	-2.6%	25.7%	92.6%	20.0%
Danh mục 25	-0.7%	0.0%	-3.0%	-8.1%	2.1%	25.6%	124.3%	17.7%
* Note	3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	-0.3%	1.1%	-0.2%	-2.7%	-1.7%	7.7%	45.3%	15.4%
VN30INDEX	-0.4%	1.1%	-0.3%	-4.5%	0.2%	3.1%	40.4%	15.7%

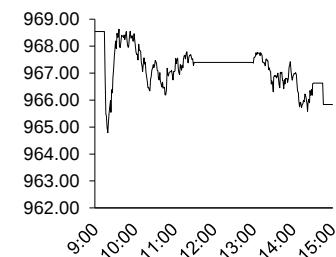
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

BSC RESEARCH
1/13/2020
Vietnam Daily Review

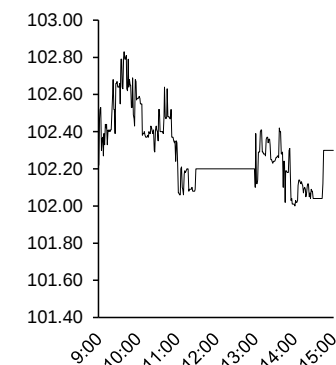
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	-0.9%
Xây dựng và Vật liệu	-0.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.8%
Công nghệ Thông tin	-0.6%
Hóa chất	-0.4%
Bán lẻ	-0.4%
Thực phẩm và đồ uống	-0.4%
Y tế	-0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.2%
Bảo hiểm	-0.1%
Dầu khí	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.0%
Tài nguyên Cơ bản	0.0%
Truyền thông	0.2%
Dịch vụ tài chính	0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.3%
Du lịch và Giải trí	0.3%
Bất động sản	0.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VHM_ Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: VHM vừa hình thành mô hình 2 đáy và đang tiến tới tra lại ngưỡng vòng cổ 92. Thanh khoản cổ phiếu đang có dấu hiệu hồi phục và trở về ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá ngắn hạn đang hình thành. Chỉ báo và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lại dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đang hình thành. Như vậy, VHM nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 92 trong các phiên giao dịch tới. Nếu thanh khoản tiếp tục đồng thuận với đà tăng, cổ phiếu có thể trở lại mốc 95.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

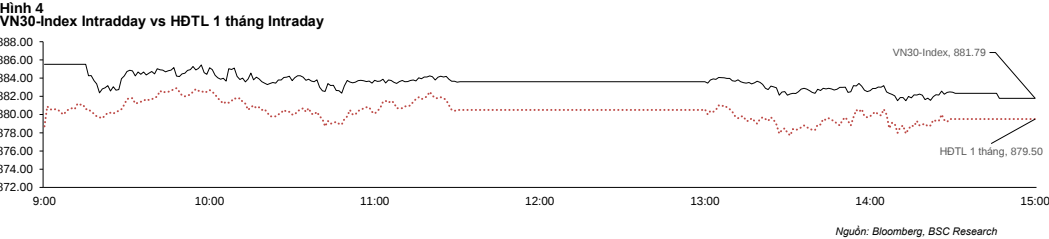
HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2001	879.50	0.09%	-2.29	-15.3%	69842	1/16/2020	5
VN30F2002	880.60	0.07%	-1.19	20.3%	439	2/20/2020	40
VN30F2003	883.00	-0.06%	1.21	-61.4%	34	3/19/2020	68
VN30F2006	887.90	0.01%	6.11	189.7%	113	6/18/2020	159

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm -3.73 điểm xuống mức 881.79 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VNM, TCB, NVL, và FPT tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 vận động tích lũy quanh 884 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm nhẹ về dưới 882 điểm. VN30F2001 sẽ đáo hạn vào 16/1, VN30 có thể biến động mạnh trong những phiên tiếp theo.

• Ngoại trừ VN30F2003, các HĐTL đều tăng trái chiều với chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	9	5:1	113,210	-18.8%	1.5 triệu	21.82%	2,220	2,020	13.48%	10,092.60	0.20
CVHM1902	SSI	4/22/2020	100	1:1	23,540	111.3%	1.0 triệu	21.91%	18,600	10,370	10.67%	5,207.70	1.99
CFPT1906	HSC	4/8/2020	86	5:1	87,560	252.1%	5.0 triệu	21.21%	1,700	1,210	0.83%	2,714.70	0.45
CMSN1903	MBS	3/17/2020	64	5:1	40,000	151.9%	1.0 triệu	26.59%	1,350	1,220	0.83%	3,470.80	0.35
CVJC1902	SSI	4/22/2020	100	1:1	6,500	38.9%	1.0 triệu	13.72%	27,900	26,380	0.80%	18,306.10	1.44
CFPT1908	MBS	6/17/2020	156	3:1	20,220	-63.2%	2.4 triệu	21.21%	3,150	3,010	-1.31%	5,579.10	0.54
CHPG1908	MBS	1/22/2020	9	2:1	29,170	-85.4%	2.0 triệu	24.66%	1,450	1,910	-1.55%	3,774.00	0.51
CVIC1902	SSI	4/22/2020	100	1:1	9,190	89.1%	1.0 triệu	14.72%	22,700	12,680	-2.76%	4,246.50	2.99
CVNM1903	SSI	4/22/2020	100	1:1	5,590	-64.6%	1.0 triệu	17.92%	26,600	13,750	-3.37%	3,906.60	3.52
CVNM1905	MBS	4/28/2020	106	10:1	85,030	56.2%	1.5 triệu	17.92%	2,500	1,100	-3.51%	180.30	6.10
CFPT1905	SSI	4/22/2020	100	1:1	32,960	144.7%	1.0 triệu	21.21%	9,900	6,500	-3.70%	4,121.30	1.58
CVRE1903	KIS	5/15/2020	123	2:1	57,040	1699.4%	4.0 triệu	22.26%	2,700	1,820	-4.21%	680.10	2.68
CMSN1902	KIS	5/15/2020	123	5:1	96,980	28.9%	2.0 triệu	26.59%	1,640	800	-4.76%	107.10	7.47
CMBB1903	SSI	4/22/2020	100	1:1	39,190	-64.8%	3.0 triệu	17.97%	4,000	1,910	-4.98%	615.90	3.10
CVPB1901	VND	3/5/2020	52	1:1	109,390	-47.6%	2.0 triệu	20.99%	3,500	3,730	-6.52%	2,743.70	1.36
CTCB1902	VND	6/5/2020	144	1:1	62,200	-54.0%	2.0 triệu	21.47%	5,300	3,800	-6.63%	2,693.60	1.41
CVNM1906	VND	3/5/2020	52	2:1	68,690	-5.2%	1.0 triệu	17.92%	8,100	4,900	-7.55%	2,482.70	1.97
CREE1902	SSI	1/22/2020	9	1:1	56,060	4.6%	1.0 triệu	22.64%	5,600	930	-16.96%	411.30	2.26
CNVL1901	KIS	2/7/2020	25	4:1	200,710	2278.1%	5.0 triệu	19.45%	1,900	340	-20.93%	10.30	33.01
CROS2001	KIS	6/19/2020	158	4:1	4,510	n/a	10.0 triệu	36.14%	1,500	560	-26.32%	0.20	2,800.00
CMBB1904	SSI	1/22/2020	9	1:1	287,010	530.4%	2.0 triệu	17.97%	2,900	420	-31.15%	41.50	10.12
Tổng:					1,434,750		41.90 triệu	21.25%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 13/1/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

• Về giá, CMBB1904 và CROS2001 giảm mạnh lần lượt là -31.15% và -26.32%. Thanh khoản thị trường giảm -12.40%. CMBB1904 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.41% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, VJC và VRE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	86.30	2.13	0.93
MSN	57.00	0.88	0.32
PNJ	89.00	0.56	0.12
HPG	24.25	0.21	0.11
VJC	146.50	0.21	0.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	20.6	-2.14	-1.04
VNM	117.4	-1.26	-1.04
TCB	23.0	-0.86	-0.63
NVL	55.0	-1.43	-0.42
BID	50.1	-2.34	-0.33

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ1902	90,100	79,000	89,000
CVHM1902	103,600	85,000	86,300
CFPT1906	65,500	57,000	57,100
CMSN1903	62,450	55,700	57,000
CVJC1902	157,900	130,000	146,500
CFPT1908	63,450	54,000	57,100
CHPG1908	23,400	20,500	24,250
CVIC1902	137,700	115,000	114,900
CVNM1903	145,580	118,980	117,400
CVNM1905	150,725	125,725	117,400
CFPT1905	64,900	55,000	57,100
CVRE1903	41,189	35,789	33,750
CMSN1902	86,089	77,889	57,000
CMBB1903	26,000	22,000	21,300
CVPB1901	21,500	18,000	20,600
CTCB1902	26,300	21,000	22,950
CVNM1906	130,225	114,025	117,400
CREE1902	41,600	36,000	35,750
CNVL1901	69,688	62,088	55,000
CROS2001	32,468	26,468	11,300
CMBB1904	24,900	22,000	21,300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	114.5	-0.5%	0.8	2,256	1.4	8,321	13.8	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	89.0	0.6%	1.0	871	2.7	4,839	18.4	4.8	49.6%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	66.7	-0.4%	1.3	2,153	0.2	1,889	35.3	3.0	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	0.0%	0.7	322	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.9	0.1%	1.0	16,897	0.7	1,589	72.3	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	33.8	-0.6%	1.1	3,334	0.6	1,033	32.7	2.8	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	55.0	-1.4%	0.8	2,318	0.8	3,187	17.3	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	35.8	0.1%	1.0	482	0.5	5,614	6.4	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.6	1.1%	1.4	309	0.3	3,215	4.2	0.8	45.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.3	0.0%	1.4	404	0.9	1,769	10.3	1.0	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	29.0	0.7%	1.0	207	0.1	5,067	5.7	1.3	36.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.5	2.1%	1.5	285	1.3	1,287	16.7	1.5	56.6%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.1	-0.7%	0.9	1,684	2.0	4,688	12.2	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	42.0	0.0%	0.4	454	0.0	4,156	10.1	2.5	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	95.3	-0.6%	1.7	7,930	1.5	5,886	16.2	4.0	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	55.9	0.4%	1.5	2,894	0.4	3,467	16.1	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.0	-2.2%	1.6	374	1.7	2,062	8.7	0.7	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.5	-2.6%	0.8	1,011	0.9	1,163	6.4	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	87.1	-1.0%	0.5	495	0.0	4,535	19.2	3.6	54.5%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.9	1.2%	0.8	219	0.1	650	19.9	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.0	0.3%	0.6	138	0.0	625	9.6	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.4	-0.1%	1.3	14,416	4.1	5,274	17.0	4.1	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	50.1	-2.3%	1.6	8,761	1.2	2,109	23.8	3.0	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	23.2	-1.5%	1.6	3,756	5.4	1,641	14.1	1.2	29.6%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.6	-2.1%	1.2	2,183	1.2	3,341	6.2	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.3	-0.5%	1.2	2,154	2.7	3,261	6.5	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.9	0.9%	1.1	1,649	1.5	3,585	6.4	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.0	-1.7%	0.8	160	0.0	5,073	8.9	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.3	1.3%	0.3	134	0.0	4,603	6.8	1.1	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.0%	1.3	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.3	0.2%	0.9	2,911	4.7	2,526	9.6	1.5	38.3%	17.4%
HSG	Thép	7.9	-1.9%	1.6	146	1.5	890	8.9	0.6	17.8%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	117.4	-1.3%	0.7	8,889	2.1	5,527	21.2	7.5	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	233.9	0.2%	0.8	6,522	0.2	7,365	31.8	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	57.0	0.9%	1.2	2,897	1.0	4,512	12.6	2.0	39.1%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.7	0.0%	0.6	477	1.1	440	42.5	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	72.0	-1.2%	0.8	6,815	0.2	2,630	27.4	5.1	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	146.5	0.2%	1.1	3,337	3.0	9,850	14.9	5.7	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	32.6	0.0%	1.7	2,010	0.2	1,747	18.7	2.6	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	21.5	-2.3%	0.8	278	0.1	1,949	11.0	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	15.5	-1.0%	0.6	190	0.1	2,571	6.0	1.0	31.9%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.0	-1.5%	1.0	452	0.4	8,338	7.8	3.3	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	-0.3%	0.7	351	0.1	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.7	1.0%	0.8	244	0.1	1,912	7.7	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	49.7	0.3%	0.8	165	0.1	9,842	5.0	0.5	47.4%	9.3%
VCG	Xây dựng	25.6	0.0%	1.1	492	0.1	1,557	16.4	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.8	-0.2%	0.4	256	0.4	1,845	12.9	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	11.0	-0.9%	0.6	1,120	0.6	820	13.4	1.1	13.7%	7.8%
NT2	Điện	18.4	-3.2%	0.5	230	0.2	2,721	6.8	1.3	18.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	86.30	2.13	1.76	882160.00
MSN	57.00	0.88	0.17	413810.00
VIC	114.90	0.09	0.10	146680.00
VCF	194.50	6.87	0.10	1940.00
SCS	130.80	4.64	0.09	31960.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.90	0.88	0.33	1.52MLN
SHB	7.20	1.41	0.11	6.71MLN
SZB	35.00	2.94	0.02	100.00
TVC	20.40	2.00	0.01	152300.00
NTP	31.30	1.29	0.01	5700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	50.10	-2.34	-1.41	544740.00
VNM	117.40	-1.26	-0.76	412880.00
CTG	23.20	-1.49	-0.38	5.32MLN
GAS	95.30	-0.63	-0.34	355190.00
VPB	20.60	-2.14	-0.32	1.28MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	18.00	-2.17	-0.10	2.14MLN
SHN	9.00	-5.26	-0.06	20200.00
L14	56.30	-6.17	-0.05	103100.00
VCS	65.00	-1.52	-0.03	144200.00
CEO	8.70	-2.25	-0.03	195900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAS	7.49	7.00	0.00	1020.00
AGF	4.81	6.89	0.00	21730.00
PTL	3.89	6.87	0.01	510.00
VCF	194.50	6.87	0.10	1940.00
VSI	23.35	6.86	0.01	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.90	12.5	0.00	48900.00
SD2	5.50	10.0	0.00	7000.00
VTC	9.20	9.5	0.00	4400.00
PBP	8.20	9.3	0.00	100.00
TFC	5.10	8.5	0.00	3000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KPF	18.60	-7.00	-0.01	600.00
LM8	18.60	-7.00	0.00	10.00
ROS	11.30	-7.00	-0.14	3.27MLN
SMB	33.30	-6.98	-0.02	184280.00
PGD	46.70	-6.97	-0.09	840.00

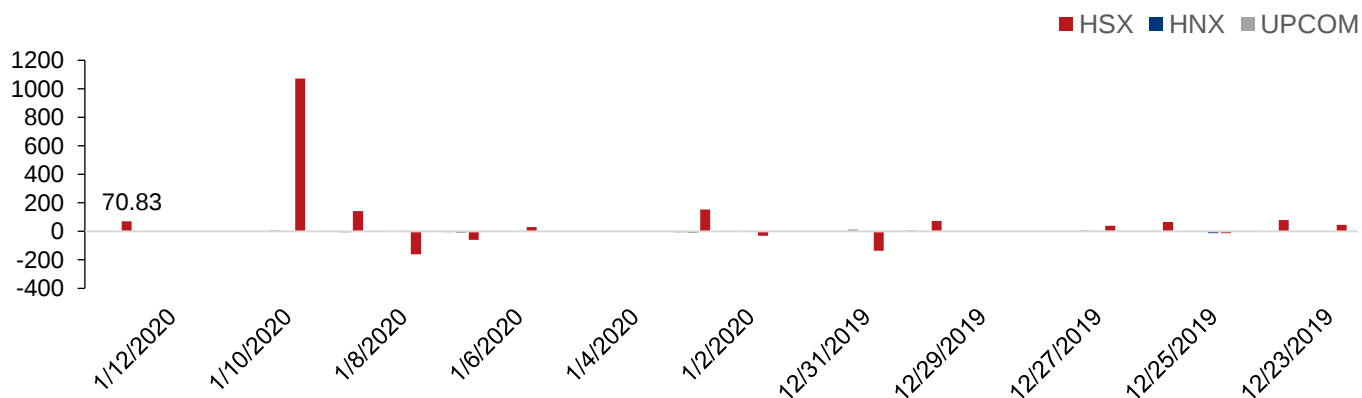
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTC	11.90	-11.19	-0.01	200.00
LO5	1.80	-10.00	0.00	100.00
DPC	10.90	-9.92	0.00	1800.00
SMT	16.60	-9.78	0.00	1000.00
VDL	24.20	-9.70	-0.01	1500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.1	5,020	5.4	1.2	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	89.0	4,839	18.4	4.8	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	15.5	2,571	6.0	1.0	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	161.9	29,035	5.6	4.4	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	15.0	0	14.0	0.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	114.5	8,321	13.8	4.5	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	22.9	3,585	6.4	1.5	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.0	2,692	4.5	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.0	2,660	8.6	1.4	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	114.5	6,216	18.4	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.4	5,274	17.0	4.1	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	29.4	9,530	3.1	1.5	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	57.1	4,688	12.2	2.9	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.7	3,491	6.8	1.1	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.9	2,246	7.9	0.8	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	30.7	3,678	8.3	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	57.0	4,512	12.6	2.0	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	117.4	5,527	21.2	7.5	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.6	2,887	7.5	1.5	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	35.8	5,614	6.4	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn